TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 128/2018/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 05 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018, giữa:

- Người yêu cầu: Ông Nguyễn Tuấn N, sinh năm 1981. Địa chỉ: 42 đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1985. Địa chỉ: 35/4A Đường E, Phường F, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Luật phí và lệ phí 2015; Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị Phương D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị Phương D thuận tình ly hôn.

Về con chung: Hai bên thỏa thuận, giao cho ông N trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Minh H, sinh ngày 01/12/2015. Bà D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên. Bắt đầu thi hành từ tháng 02/2018 tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trường hợp bà D chậm trả tiền cấp dưỡng thì bà D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được qui định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông N và bà D khai không có.

Về lệ phí thuận tình ly hôn: Ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị Phương D phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được tính vào tạm ứng lệ phí do ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị Phương D đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007567 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- UBND Phường B, Quận T
(Để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy CNKH số 100/2015, quyển số 01/2015 ngày 07/7/2015 do UBND Phường B, quận T cấp).

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Trí